

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dành cho ứng viên/thành viên các Hội đồng Giáo sư)



1. Thông tin chung

- Họ và tên: TRẦN TRÍ DỐI
- Năm sinh: 1953
- Giới tính: Nam
- Trình độ đào tạo (TS, TSKH) (năm, nơi cấp bằng): Phó Tiến sỹ 1987, Việt Nam.
- Chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư (năm, nơi bổ nhiệm): Giáo sư 2005. Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Ngành, chuyên ngành khoa học: Ngôn ngữ học
- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại: Nghỉ hưu.
- Chức vụ cao nhất đã qua: Chủ nhiệm khoa Ngôn ngữ học, Đại học KHXH và NV- Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, cơ sở đào tạo):
Từ năm 2006 đến 2022, là thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở Trường Đại học KHXH và NV- Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):
Từ năm 2010 đến 2023, là thành viên Hội đồng Giáo sư ngành Ngôn ngữ học.

2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)

2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình

a) Tổng số sách đã chủ biên: 11 sách chuyên khảo; 05 giáo trình.

b) Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất, năm 2023 (tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn).

1. Trần Trí Dối, *Lịch sử ngôn ngữ người Việt góp phần tìm hiểu văn hóa Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội 2022, 604 tr (ISBN: 978-604-352-402-4)

2. Trần Trí Dõi (và các tác giả), *Tiếng Việt lịch sử - một tham chiếu hồi quan (Phần I: Một tham chiếu về nguồn gốc tiếng Việt)*, Nxb Văn học, 2018, tr 9-86 (ISBN:978-604-963-357-7)

2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học

a) Tổng số đã công bố: 134 bài báo tạp chí trong nước; 18 bài báo tạp chí quốc tế.

b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất, năm 2023 (*tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố, chỉ số IF và chỉ số trích dẫn - nếu có*):

- Trong nước:

1. Correspondence between initial sounds in ancient Sino-Vietnamese words in Viet and Muong languages. Tạp chí *Language & Life*, Vol. 6 (273) 2018, tr 9-13. ISSN 0868-3409

2. Vấn đề xây dựng chữ viết cho ngôn ngữ dân tộc thiểu số, TC Ngôn ngữ, số 3 (358)/2019, tr 20-31. ISSN:0866-7519.

3. Lễ hội “Phù Đổng”: từ lễ hội nông nghiệp đến lễ hội ca ngợi người anh hùng, In trong “Tiếng Hà Nội từ cách tiếp cận liên ngành”, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội 2019 (ISBN: 978-604-9805-22-6), tr 175-189.

4. A Sketch of the Vietnamese Language and Culture from Southeast Asian Perspective (Vài nét về ngôn ngữ văn hóa Việt Nam qua góc nhìn Đông Nam Á), VNU Journal of Foreign Studies (Tạp chí nghiên cứu nước ngoài), Vol 35, N^o3, 2019, pp57-72. ISSN 2525-2445.

5. Ngôn ngữ của cư dân văn hóa Đông Sơn ở Việt Nam, TC Ngôn ngữ, số 8+9 (363+364)/2019, tr 66-82. ISSN:0866-7519.

6. Tên gọi thánh “Dóng” và lễ hội “Phù Đổng” góc nhìn từ ngôn ngữ học so sánh - lịch sử. Trong “Việt Nam học chặng đường 30 năm”, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội 2019, tr 228-240. ISBN:978-604-9876-41-7.

7. Vấn đề ngôn ngữ của cư dân văn hóa Đông Sơn. Tc Ngôn ngữ & đời sống, số 2 (294).2020, tr 3-15. ISSN: 0868-3409.

8. Nguồn gốc ban đầu của họ ngôn ngữ Nam Á và vấn đề ngôn ngữ cư dân văn hóa Đông Sơn ở Việt Nam, Trong “Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc tế khu vực học - Việt Nam học: Định hướng nghiên cứu và đào tạo (International conference proceedings: Area studies - Vietnamese studies: Research and Training orientation)”, Viện Việt Nam học và KHPT (IVIDES), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020, tr 162-176, ISBN: 978-604-9887-88-8.

9. Vấn đề lựa chọn chữ Latinh tiếng Mông trong vùng dân tộc thiểu số Việt Nam. Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 10-2020, tr 21-35. ISSN:1013-4328.

10. Một vài đặc điểm của vốn từ tiếng Việt trong giai đoạn lịch sử Việt - Mường cổ. Tc Ngôn ngữ & đời sống, số 10 (317).2021, tr 3-8. ISSN: 0868-3409.

11. Ngôn ngữ nhà nước Champa trong lịch sử: Phân tích một vài địa danh “vùng Hoành Sơn - sông Gianh” ở Quảng Bình (Một giả thiết làm việc), In trong “Nguyễn Tài Cẩn tư tưởng tác phẩm ... và kỷ niệm”, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội 2021, tr 68-83. ISBN:978-604-342505-5

12. Trở lại giả thiết về chữ viết trong văn hóa Đông Sơn thời Hùng Vương ở Việt Nam, Tc Ngôn ngữ & đời sống, số 2 (322).2022, tr 3-8. ISSN: 0868-3409.

13. Tư liệu ngôn ngữ học, lịch sử, địa lý, ngôn ngữ tộc người góp phần giải thích những tên gọi khác nhau của sông Mã, In trong “*Ngôn ngữ học ứng dụng trong xu hướng hội nhập Quốc tế*”, Kỷ yếu “Hội thảo ngôn ngữ học toàn quốc 2022”, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội 2022, tr 234-246. ISBN:978-604-384-775-8.

14. Những dạng thức lưu giữ *tên tự gọi* (autonym) chỉ “người (person/people)” của những ngôn ngữ Môn - Khmer ở Đông Nam Á/ Retainers of autonyme referring to people in Mon – Khmer languages in Southeast Asia, Tc Ngôn ngữ & đời sống, số 1 (335).2023, tr 5-13. ISSN: 0868-3409.

15. Thêm một giải thích về tên gọi sông “LƯƠNG” trong “Du địa chí” của Nguyễn Trãi khi giới thiệu về văn hóa xứ Thanh, Hội thảo Quốc gia “Xứ Thanh-Đa dạng văn hóa và phát triển bền vững”, In trong “Xứ Thanh đa dạng văn hóa và phát triển bền vững”, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội 2024, tr 15-36 (ISBN 978-604-57-9305-3).

16. Dạy “Tiếng Việt thực hành” ở bậc Đại học hiện nay: Một vài suy nghĩ, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Dạy-học tiếng Việt trong bối cảnh đổi mới giáo dục và hội nhập Quốc tế”, Nxb Tri thức, Hà Nội 2023, tr.1-5. ISBN: 978-604-340-977-2.

17. Ngôn ngữ của cư dân Champa trong lịch sử: Một giả thiết làm việc ở “vùng Hoành Sơn - sông Gianh”, In trong “35 năm Việt Nam học tiếp cận liên ngành, khu vực học, khoa học phát triển”, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội 2024, tr 565-580. ISBN:978-604-43-0491-5.

- Quốc tế:

1. An Overview of Languages and Culture of Sino-Vietnamese Cross Border Ethnic Groups, Journal of Baise University, No.1 Vol.31 Jan.2018, pp 74-79 (ISSN 1673-8233). (Gao Xianju/Cao Tiên Cúc trans).

2. A Review of Endangered Language Studies in Vietnam, Journal of Baise University, Vol. 31-No.4, Jul. 2018, pp 33 - 41. (ISSN 1673-8233). (Huang Haishu/Hoàng Hải Thử, trans).

3. Gao Xianju and Trần Trí Dõi (2020), *Function Analysis on Language for Development of Vietnamese Ethnic Minorities: Research on the Ethnic Language and Culture Policies of Vietnam Part I*, Journal of Nanning Polytecnic, Vol.25, N^o3, 2020, pp 18-23. ISSN:1009-3621; doi:10.19846/j.cnki.nzxb.2020.03.04.

4. Vùng Đông Nam Á từ góc nhìn ngôn ngữ văn hóa Việt Nam, trong “Trung Quốc và Đông Nam Á ngôn ngữ văn hóa nghiên cứu”. Văn Nam khoa kỹ xuất bản xã. 03.2021, tr 003-019. ISBN 978-7-5587-2746-7.

5. The geographical distribution of autonyms for ‘person/people’ in the Mon-Khmer languages of South East Asia and its contribution to the understanding of the original location (homeland) of the Luòyuè residents. In Hiroyuki Suzuki and Mitsuaki Endo (eds.) Proceedings of the fifth International Conference on Asian Geolinguistics, 1-11. doi:https://doi.org/10.5281/zenodo.837455. ISSN 2436-6471.

2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)

a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì/chủ nhiệm: 0 cấp Nhà nước; 06 cấp Bộ và tương đương.

b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài*):

Không.

2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)

2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ

a) Tổng số: 13 NCS đã hướng dẫn chính

b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất, năm 2023 (*Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn*):

Nguyễn Thị Hà Sơn. Đề tài “ĐỐI CHIẾU THUẬT ngữ marketing Anh-Việt”	Học viện KHXH-Viện Hàn lâm KHXH VN	2018	Hướng dẫn chính
Nguyễn Thị Thùy. Đề tài “Phụ âm đầu của thố ngữ Cao Lao Hạ (tỉnh Quảng Bình) và lịch sử phụ âm đầu tiếng Việt”.	Đại học KH XHNV-ĐHQG tp HCM	21.01.2022	Hướng dẫn chính
Nguyễn Thanh Vân. Đề tài: <i>Khảo sát thái độ ngôn ngữ của sinh viên học tiếng Anh (trường hợp sv trường CD Thương mại TP HCM và trường ĐH kỹ thuật TP HCM)</i>	Đại học KH XHNV-ĐHQG tp HCM	15.07.2022	Hướng dẫn chính
Nguyễn Trung Kiên. Đề tài: <i>Cảnh huống ngôn ngữ người Mông ở huyện Bắc Yên tỉnh Sơn La.</i>	Đại học KH XHNV-ĐHQG Hà Nội	25.07.2022	Hướng dẫn chính
Lưu Đình (NCS Trung Quốc). Đề tài: <i>Khảo sát vốn từ trong giáo trình tiếng Việt đang sử dụng ở các trường đại học ở Vân Nam, Trung Quốc</i>	Đại học KH XHNV-ĐHQG Hà Nội	28.12.2022	Hướng dẫn chính
Trần Oanh (NCS Trung Quốc). Đề tài: <i>Nghiên cứu cảnh huống ngôn ngữ ở Quảng Tây Trung Quốc.</i>	Đại học KH XHNV-ĐHQG Hà Nội	07.01.2023	Hướng dẫn chính

3. Các thông tin khác

3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình.

- Sách:

1. *Một vài vấn đề nghiên cứu so sánh lịch sử nhóm ngôn ngữ Việt – Mường (A Historical – comparative study of Viet-Muong group)*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội 2011, 371tr (ISBN:978-604-62-0471-8)

2. *Giáo trình lịch sử tiếng Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội 2011, 271 tr.

3. *Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (Language of ethnic minorities in Vietnam)*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội 2016, 294 tr (ISBN:978-604-62-4140-9)

4. *Lịch sử ngôn ngữ người Việt góp phần tìm hiểu văn hóa Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 604 tr (ISBN: 978-604-352-402-4)

- Tạp chí:

1. Từ gần trong tiếng Việt không phải là từ gốc Hán 近 (Jìn/cận). Tc Ngôn ngữ, số 9 (328)/2016, tr 3-15. ISSN:0866-7519.

2. Tiếp tục thảo luận về bài viết “Những từ Thái và vị trí của người Thái trong lịch sử Việt Nam” của L.Kelley. TC Ngôn ngữ, số 3 (334)/2017, tr 3-14. ISSN:0866-7519.

3. Trao đổi thêm về từ nguyên của yếu tố “lạc (luò 雜/駱)” trong tổ hợp “lạc việt (luòyuè 雜越)”. Tạp chí Bảo tàng&Nhân học, số 2 (18)-2017, tr 41-53 .ISSN: 0866-7616.

4. Vấn đề ngôn ngữ của cư dân văn hóa Đông Sơn. Tc Ngôn ngữ & đời sống, số 2 (294).2020, tr 3-15.ISSN: 0868-3409.

5. Một vài đặc điểm của vốn từ tiếng Việt trong giai đoạn lịch sử Việt - Mường cổ. Tc Ngôn ngữ & đời sống, số 10 (317).2021, tr 3-8.ISSN: 0868-3409.

6. The geographical distribution of autonyms for ‘person/people’ in the Mon-Khmer languages of South East Asia and its contribution to the understanding of the original location (homeland) of the Luòyuè residents. In Hiroyuki Suzuki and Mitsuaki Endo (eds.) Proceedings of the fifth International Conference on Asian Geolinguistics, 1-11.doi:https://doi.org/10.5281/zenodo.837455. ISSN 2436-6471.

3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):

3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn (nếu có):

3.4. Ngoại ngữ

- Ngoại ngữ phục vụ công tác chuyên môn: Tiếng Pháp

- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: Thông thường

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Trí Dõi